

GAM

(2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết đơn vị đo khối lượng: Gam – tên gọi, kí hiệu, độ lớn, cách đọc, cách viết.
- Nhận biết quan hệ giữa gam và ki-lô-gam, chuyển đổi, tính toán với các đơn vị gam và ki-lô-gam.

- Cân, ước lượng khối lượng vật theo đơn vị ki-lô-gam.

- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến khối lượng.

2. Năng lực chủ trọng: tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giải quyết vấn đề toán học; giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống.

Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái.

B. Thiết bị dạy học

GV: cân đĩa, cân đồng hồ, cân sức khoẻ và các quả cân trong bộ ĐDDH.

HS: một số đồ vật sử dụng cho Thực hành 2.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu đơn vị đo khối lượng: gam

a) Tạo tình huống: nhu cầu xuất hiện đơn vị đo chuẩn

- GV dùng hai vật, chẳng hạn một cái bắp cải và một quả cà tím, yêu cầu HS xác định vật nào nặng hơn, vật nào nhẹ hơn.

- Một vài HS nâng hai vật trên hai tay, trả lời:

+ Cái bắp cải nặng hơn quả cà tím.

+ Quả cà tím nhẹ hơn cái bắp cải.

- GV: Để biết mỗi vật nặng bao nhiêu, ta phải làm sao? (Cân các vật đó.)

- GV cân cái bắp cải và quả cà tím, HS đọc số đo và nhận xét:

+ Cái bắp cải nặng 1 kg.

+ Quả cà tím nặng chưa tới 1 kg.

- GV: Muốn biết quả cà tím cân nặng chính xác bao nhiêu, ta phải dùng một đơn vị bé hơn đơn vị ki-lô-gam, đó là đơn vị gam.

b) Giới thiệu đơn vị đo khối lượng Gam

- Gam là một đơn vị đo khối lượng (cả thế giới đều dùng), GV viết trên bảng.

- Gam viết tắt là g (GV viết).

+ GV chỉ vào g, HS đọc gam.

+ GV viết: 1 g, 100 g, 200 g, 500 g (HS đọc).

- GV viết: 1000 g = 1 kg (HS đọc).

Gam là một đơn vị đo khối lượng.

Gam viết tắt là g.

$$1000 \text{ g} = 1 \text{ kg}$$

2. Thực hành

Bài 1:

– GV giới thiệu mẫu:

+ Hình ảnh cân hai đĩa, một bên là vật cần cân, một bên là các quả cân.

+ Khi cân thăng bằng, ta đọc khối lượng vật đang cân.

Quả đu đủ nặng 1 kg 300 g ($200\text{ g} + 100\text{ g} = 300\text{ g}$).

– HS nhóm đôi **quan sát** hình ảnh, **thảo luận** rồi **viết** số đo khối lượng các vật đang cân (bảng con).

– Một vài nhóm **trình bày**, HS **nói** và **đưa** bảng con đã viết số đo.

a) Các quả cam nặng 1 kg 500 g.

b) Hai quả xoài nặng 800 g ($500\text{ g} + 200\text{ g} + 100\text{ g} = 800\text{ g}$).

Bài 2:

– HS hoạt động theo tổ.

– HS thay nhau **nâng** các quả cân (vừa nâng vừa **đọc** số đo), **cảm nhận** độ nặng của từng quả cân.

Bài 3:

a) HS thay nhau **ước lượng** các vật (theo gợi ý của SGK).

b) **Thực hiện** theo các nội dung.

– GV tới từng tổ, nghe các em báo cáo các nội dung thực hành.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– HS **thực hiện** cá nhân rồi **chia sẻ** nhóm bốn.

– Sửa bài, HS **giải thích** cách làm, HS có thể làm theo các cách khác nhau.

Ví dụ:

+ $5\text{ kg} = ?\text{ g}$

Coi nghìn là đơn vị đếm: $1\text{ kg} = 1\text{ nghìn g} \rightarrow 5\text{ kg} = 5\text{ nghìn g}$.

Hay $1\text{ kg} = 1000\text{ g} \rightarrow 5\text{ kg} = 5000\text{ g}$ ($1000 \times 5 = 5000$).

+ $2500\text{ g} = ?\text{ kg} ?\text{ g}$

2 500 g gồm 2000 g và 500 g

2 000 g = 2 kg

Vậy $2500\text{ g} = 2\text{ kg } 500\text{ g}$ (HS chỉ cần viết kết quả cuối cùng).

Bài 2:

– HS nhóm bốn **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu: thay ? bởi đơn vị đo kg hay g.

– Các em **thảo luận**, **tìm** cách thực hiện, GV lưu ý HS dựa vào **cảm nhận** độ nặng của 1 kg đã thực hành (quả cân 1 kg, chai nước 1 l).

- Sửa bài, HS **trình bày** suy luận của nhóm, chẳng hạn:

- a) 5 hạt đậu đen nặng 1 g (5 hạt đậu đen không thể nặng bằng chai nước 1 l).
- b) Quả thanh long nặng 1 kg (quả thanh long nặng hơn 5 hạt đậu đen nhiều).
- c) Quả chuối nặng 200 g (quả chuối không nặng bằng chai nước 1 l nên không thể là 200 kg. GV có thể giúp HS hình dung độ nặng của 200 kg: Khối lượng của 5 bạn cụ thể trong lớp).

Sau bài này, GV lưu ý giúp HS gắn độ nặng của 1 g và 1 kg vào hai vật cụ thể, làm cơ sở để HS ước lượng.

+ 1 g khoảng 5 hạt đậu đen (GV có thể dùng vật khác).

+ 1 kg nặng bằng chai nước 1 l.

Bài 3:

- HS nhóm bốn **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu: thay ? bởi số thích hợp.

- Các em **thảo luận**, **tìm** cách thực hiện.

- Sửa bài, HS **trình bày** suy luận của nhóm, chẳng hạn:

a) 5 hộp sữa cân nặng 900 g.

(HS nói: 5 hộp sữa và 100 g nặng 1 kg hay 1 000 g.

$$1000 \text{ g} - 100 \text{ g} = 900 \text{ g.})$$

b) 1 hộp sữa cân nặng 180 g.

$$(HS nói: $900 \text{ g} : 5 = 180 \text{ g.}$)$$

Bài 4: HS thực hiện cá nhân.

- **Tìm hiểu** bài.

- **Đọc** kĩ để bài.
- **Xác định** cái đã cho, cái phải tìm.

- **Tìm** cách giải.

Nhận biết: Khối lượng cả hộp sữa gồm:

+ Khối lượng sữa trong hộp

+ Khối lượng vỏ hộp.

- **Trình bày** bài giải.

Bài giải

$$380 + 52 = 432$$

Cả hộp sữa cân nặng 432 g.

- **Thử** lại.

GV gợi ý: Khối lượng sữa + Khối lượng vỏ hộp = Khối lượng hộp sữa

$$\rightarrow \text{Khối lượng hộp sữa} - \text{Khối lượng sữa} = \text{Khối lượng vỏ hộp}$$

(Dùng mối quan hệ cộng, trừ để thử lại.)

Mở rộng: Khối lượng tịnh của một vật là khối lượng vật đó khi không tính khối lượng bao bì (vỏ hộp, vỏ bao, vỏ thùng, ...).

Liên hệ: Ở Bài 4, khối lượng tịnh của hộp sữa là bao nhiêu? (380 g)

Khám phá

- HS nhóm đôi **quan sát** hình ảnh, **đọc để tìm hiểu** nội dung.
- Các em **chia sẻ**:
 - + 5 cm dài khoảng mấy đốt ngón tay em?
 - + Độ nặng của 2 g? (khoảng 10 hạt đậu đen)

MI-LI-LÍT

(2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết đơn vị đo dung tích: mi-li-lít – tên gọi, kí hiệu, độ lớn, cách đọc, cách viết.
- Nhận biết quan hệ giữa mi-li-lít và lít, chuyển đổi, tính toán với các đơn vị lít và mi-li-lít.
- Làm quen với dụng cụ đo dung tích.
- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến dung tích.

2. Năng lực chủ trọng: tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giải quyết vấn đề toán học; giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống.

Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

GV: Bình có vạch chia ml, chai 1 l.

HS: Một số đồ vật (chai hoặc hộp 1 l, hộp sữa, bình nước, ...) dùng cho Cùng học và Thực hành 2.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu đơn vị đo dung tích: mi-li-lít

a) Tạo tình huống: nhu cầu xuất hiện đơn vị đo chuẩn

- Nhóm bốn HS dùng hai vật, chẳng hạn chai 1 l và li nước, so sánh xem vật nào đựng được nhiều nước hơn, vật nào đựng được ít nước hơn.
- HS **quan sát, nhận xét**:
 - + Chai đựng được nhiều hơn li.
 - + Li đựng được ít hơn chai.
- GV: Chai đựng được bao nhiêu? (1 l – có ghi trên chai)
- GV: Li đựng được bao nhiêu? (ít hơn chai)
- GV: Muốn biết li đựng được cụ thể bao nhiêu, ta phải dùng một đơn vị bé hơn đơn vị lít, đó là đơn vị mi-li-lít.